



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,
Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1578

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 13/10/2026 đến ngày 19/10/2026)

AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

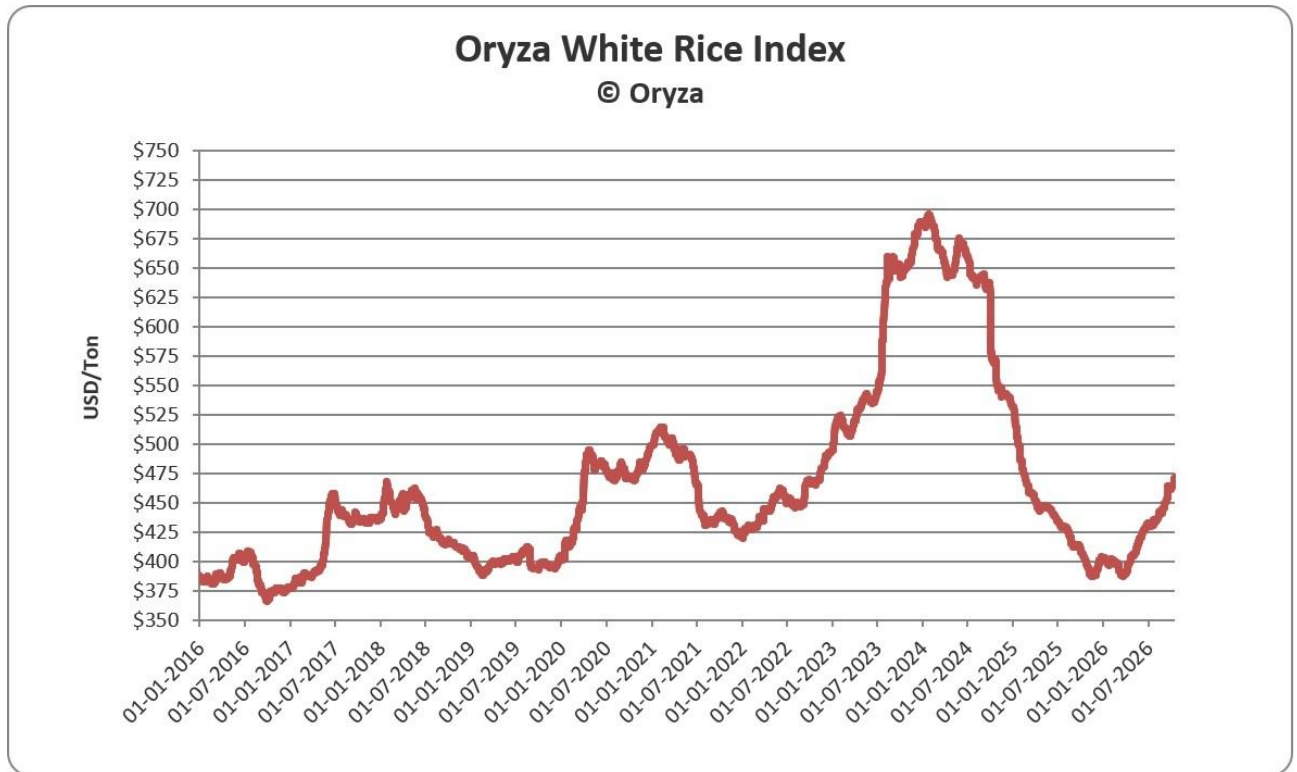
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	13 – 10		14 – 10		15 – 10		16 – 10	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	472	476	477	481	472	476	477	481
	5% tấm	462	466	467	471	462	466	467	471
	25% tấm	432	436	434	438	432	436	434	438
	Hom Mali 92%	1117	1121	1117	1121	1117	1121	1117	1121
	Gạo đỏ 100% Stxd	477	481	478	482	477	481	478	482
	A1 Super	383	387	384	388	383	387	384	388
VIỆT NAM	5% tấm	418	422	420	424	418	422	420	424
	25% tấm	400	404	401	405	400	404	401	405
	Gạo thơm 5% tấm	440	445	470	470	440	445	470	470
	Jasmine	513	517	513	517	513	517	513	517
	100% tấm	375	379	379	383	375	379	379	383
ẤN ĐỘ	5% tấm	384	388	384	388	384	388	384	388
	25% tấm	372	376	372	376	372	376	372	376
	Gạo đỏ 5% Stxd	380	384	380	384	380	384	380	384
	100% tấm Stxd	326	330	326	330	326	330	326	330
PAKISTAN	5% tấm	398	402	404	408	398	402	404	408
	25% tấm	372	376	379	383	372	376	379	383
	100% tấm Stxd	332	336	332	336	332	336	332	336
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	452	456	452	456	452	456	452	456
MỸ	4% tấm	671	675	671	675	671	675	671	675
	15% tấm (Sacked)	649	653	649	653	649	653	649	653
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	895	899	895	899	895	899	895	899

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

*Tổng quan thị trường:



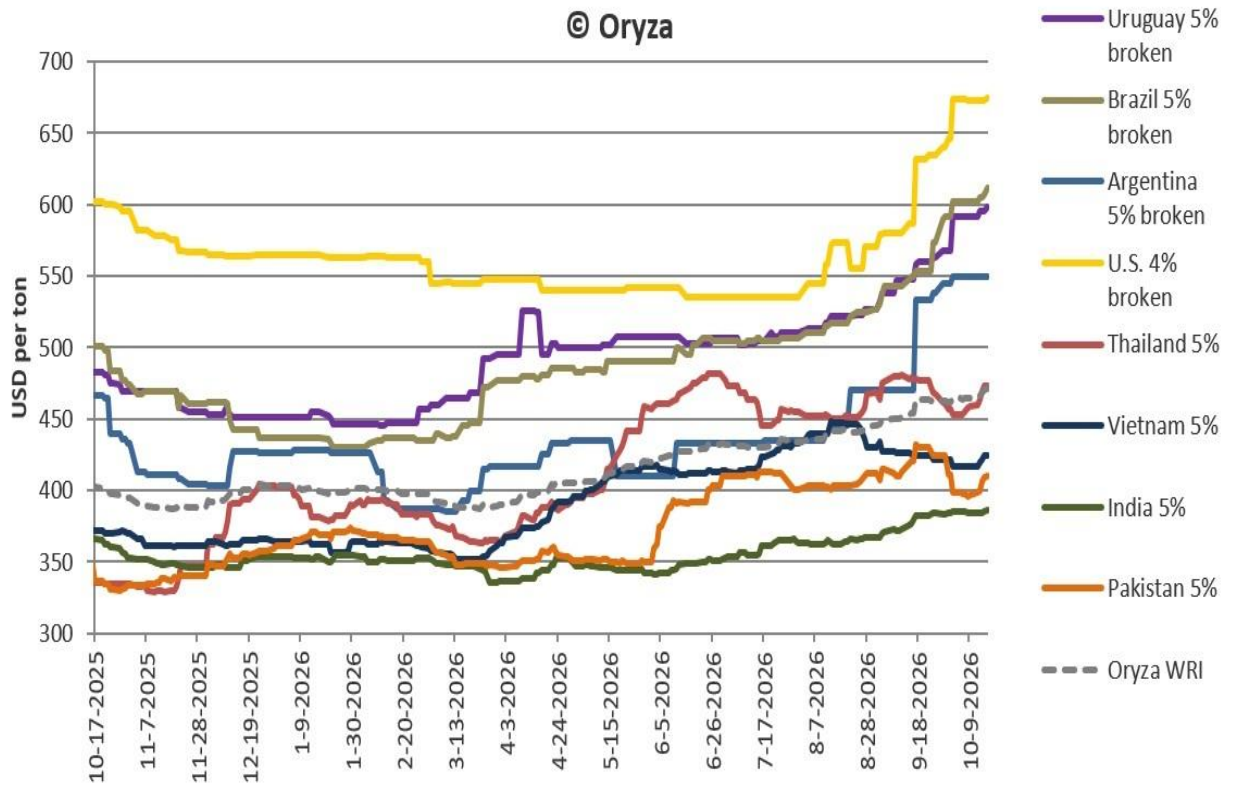
Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 471 USD/tấn, tăng 7 USD/tấn so với tuần trước và tăng 17 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 69 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.



Global Rice Export Quotes

Last 12 months

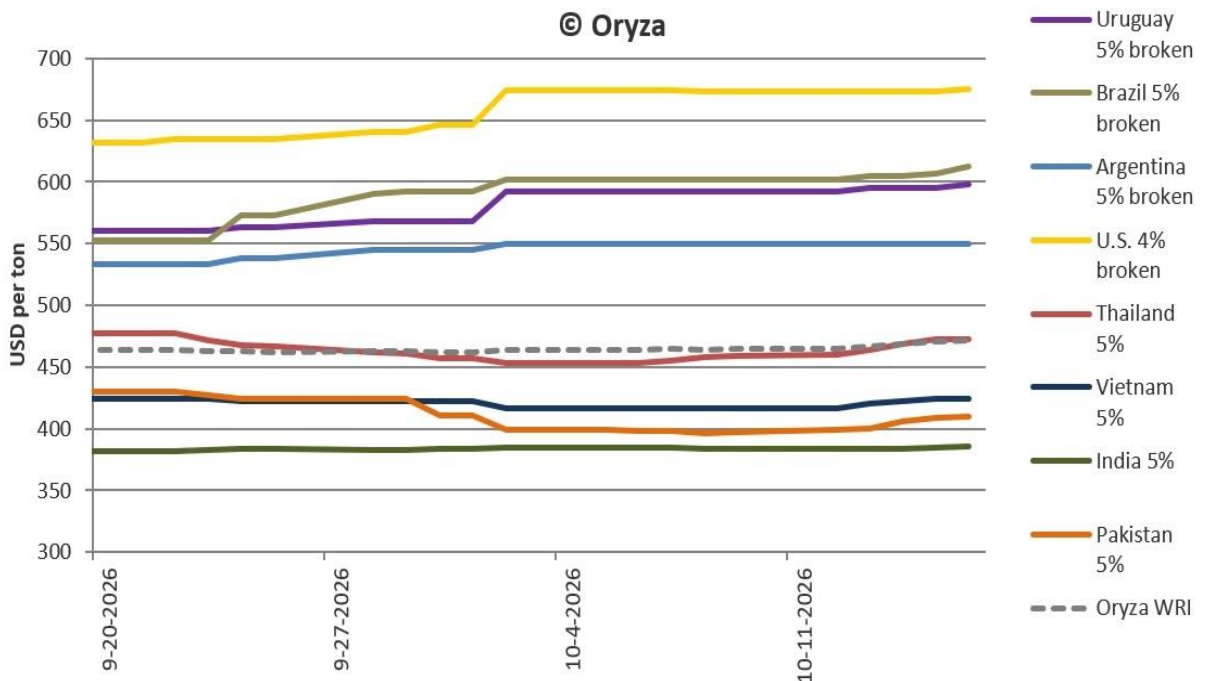
© Oryza

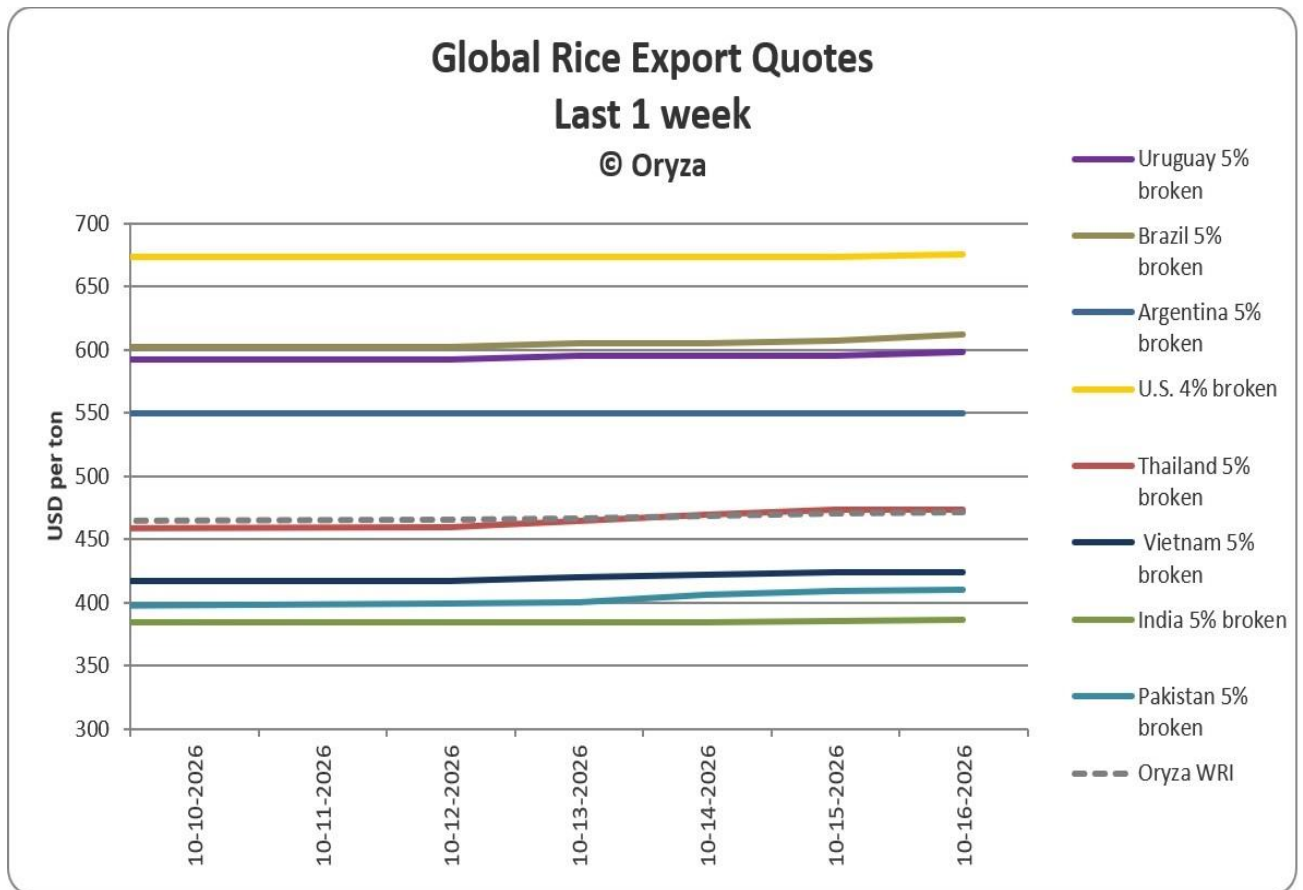


Global Rice Export Quotes

Last 4 weeks

© Oryza





Báo cáo tháng 10/2026 của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo niên vụ 2026/27, tổng nguồn cung gạo toàn cầu đạt 737,3 triệu tấn, sản lượng đạt 533,1 triệu tấn, giảm 800.000 tấn so với dự báo tháng trước; trong khi tiêu thụ đạt mức kỷ lục 538,8 triệu tấn. Xuất khẩu toàn cầu dự kiến đạt 61,4 triệu tấn, giảm 1,3 triệu tấn so với dự báo trước, chủ yếu do triển vọng xuất khẩu của Ấn Độ giảm. Tồn kho cuối kỳ dự báo đạt 198,5 triệu tấn, thấp hơn mức 204,2 triệu tấn của niên vụ 2025/26.

USDA điều chỉnh giảm dự báo xuất khẩu gạo của Ấn Độ xuống còn 23 triệu tấn năm 2026 và 24 triệu tấn năm 2027 do giá tăng và nguồn cung thu hẹp. Giá gạo thế giới diễn biến trái chiều: tăng tại Hoa Kỳ, Uruguay và Ấn Độ, nhưng giảm tại Thái Lan, Việt Nam và Pakistan do nhu cầu yếu hoặc nguồn cung tăng. Dự báo nhập khẩu của Bangladesh, Trung Quốc và Indonesia cũng được điều chỉnh giảm, phản ánh nhu cầu mua hàng không đồng đều giữa các thị trường.

Theo CNBC TV18, giá gạo châu Á tăng trong bối cảnh lo ngại nguồn cung, thời tiết bất lợi và chi phí sản xuất gia tăng. Sản lượng gạo Ấn Độ dự kiến giảm 7 triệu tấn, còn 147 triệu tấn; diện tích gieo cấy giảm 3,5%. Giá gạo Việt Nam và Thái Lan cũng tăng. Đồng thời, giá lúa mì, ngô, lúa mạch và yến mạch tăng do gián đoạn logistics tại Biển Đen và thời tiết bất lợi ở một số khu vực sản xuất chủ chốt, làm gia tăng áp lực lên thị trường ngũ cốc toàn cầu.

Philippines

Bộ Nông nghiệp Philippines (DA) đã hủy giấy phép nhập khẩu đối với lô hàng 12.480 tấn gạo từ Việt Nam trên tàu MV Tây Sơn 2 do có sự sai lệch về chất lượng gạo và giao hàng chậm trễ, làm dấy lên lo ngại về tác động đối với nông dân trong nước. Nhà nhập khẩu Planters Product Inc. đã ký hợp đồng nhận gạo 25% tấm, nhưng được cho là đã nhận thông tin rằng lô hàng chứa gạo 5% tấm. Bên cạnh đó, lô hàng cập cảng vào tháng 9 thay vì tháng 7, trùng với thời điểm gần vụ thu hoạch lúa mùa mưa trong nước. Các cơ quan chức năng lo ngại việc hàng đến muộn có thể khiến giá lúa nội địa giảm. Sau khi thuyền trưởng từ chối cho kiểm tra, tàu đã rời Davao nhưng sau đó bị Hải quân Philippines chặn lại và yêu cầu quay trở lại. Bộ Nông nghiệp đề xuất đưa lô hàng trở về Việt Nam, trong khi cơ quan hải quan đang xem xét phương án xử lý cuối cùng và các hình thức xử phạt có thể áp dụng, với ưu tiên hàng đầu là bảo vệ sức khỏe cộng đồng và nông dân trong nước.

Trung Quốc

Trung Quốc ghi nhận kết quả thử nghiệm khả năng chịu nhiệt đối với dòng lúa bất dục mới Ji 233S, được phát triển nhằm chịu được cả nhiệt độ cực cao và cực thấp, qua đó có tiềm năng cải thiện tính ổn định của sản xuất lúa gạo trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Các thử nghiệm tại tỉnh Vân Nam cho thấy Ji 233S và các tổ hợp lai của dòng này đạt tỷ lệ đậu hạt trên 80% tại một số địa điểm vùng cao, mặc dù phải chịu đợt rét cực đoan kéo dài. Trong điều kiện ảnh hưởng nhiệt, chín tổ hợp lai đạt tỷ lệ đậu hạt từ 86,1% đến 94,2%, cao hơn các giống đối chứng. Công nghệ này được phát triển qua hơn 20 năm nghiên cứu kể từ năm 2003, kết hợp các gen liên quan đến khả năng chịu nhiệt độ cao và thấp. Kết quả đã được năm tổ chức kiểm định độc lập xác nhận. Các nhà nghiên cứu hiện đang thúc đẩy phát triển công nghệ sản xuất hạt giống lúa lai bằng cơ giới hóa, nhằm tạo ra các giống lúa có khả năng chống chịu tốt hơn trước những hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng thường xuyên.

Nhật Bản

Sản lượng gạo tiêu dùng của Nhật Bản năm 2026 dự báo đạt 7,406 triệu tấn, giảm khoảng 1% so với 7,468 triệu tấn năm 2025, nhưng vẫn có thể vượt nhu cầu khoảng 300.000 tấn, làm gia tăng tình trạng dư cung và gây áp lực giảm giá. Chỉ số năng suất cây trồng toàn quốc đạt 102 nhờ điều kiện sinh trưởng thuận lợi trong tháng 8. Tuy nhiên, mưa kéo dài, thiếu nắng và thu hoạch chậm tại một số khu vực Tohoku có thể ảnh hưởng đến chất lượng và sản lượng thực tế. Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) dự kiến cập nhật ước tính sản lượng vào giữa tháng 11. Diện tích trồng lúa giảm

7.000 ha, còn 1,36 triệu ha, nhưng việc chuyển đổi sang lúa làm thức ăn chăn nuôi và lúa chế biến còn hạn chế.

Theo MAFF, nước này dự kiến tổ chức đấu thầu nhập khẩu khoảng 25.000 tấn gạo theo cơ chế mua và bán đồng thời (SBS) vào ngày 28/10/2026, đây là đợt đấu thầu thứ hai trong niên độ tài chính 2026/2027. Trong nước, tồn kho gạo tư nhân tăng lên mức kỷ lục do sản lượng cao và Chính phủ giải phóng gạo dự trữ từ tháng 3/2025. Chính phủ dự kiến mua 210.000 tấn để bổ sung dự trữ, trong khi nông dân và nhà phân phối kêu gọi tiếp tục hỗ trợ giá. Nguồn cung dồi dào khiến nguy cơ thiếu gạo trong ngắn hạn ở mức thấp.

Theo số liệu MAFF công bố ngày 16/10/2026, giá bán buôn bình quân gạo lứt vụ mới trong tháng 9/2026 giảm 42% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 21.293 yên/60 kg, thấp hơn 15.602 yên so với tháng 9/2025 và thấp hơn 6% so với tháng 9/2024. Dù giảm mạnh, đây vẫn là mức giá tháng 9 cao thứ ba từng được ghi nhận. Khối lượng giao dịch gạo vụ mới giữa các đơn vị thu mua và nhà bán buôn giảm 66%, còn 54.000 tấn, mức thấp thứ hai trong tháng 9 kể từ năm 2006, do tồn kho vụ cũ dồi dào, nguồn cung vượt nhu cầu và tiến độ thu hoạch chậm vì mưa kéo dài.

Hàn Quốc

Lượng gạo dư thừa của Hàn Quốc trong năm 2026 dự kiến giảm 60% so với năm trước, xuống còn khoảng 66.000 tấn, thấp hơn mức dự báo trước đó của Chính phủ là 165.000 tấn, nhờ các biện pháp điều chỉnh diện tích canh tác và quản lý nguồn cung giúp cải thiện cân đối thị trường. Chính phủ dự kiến thu hồi 120.000 tấn gạo đã cho các doanh nghiệp tư nhân vay trước đây và mua 400.000 tấn gạo để bổ sung dự trữ công trong giai đoạn từ tháng 10-12 nhằm ổn định giá. Đồng thời, mức thanh toán tạm ứng cho nông dân sẽ được nâng từ 40.000 won lên 60.000 won/40 kg lúa chưa xay xát. Để hỗ trợ thu mua, Chính phủ và Liên đoàn Hợp tác xã Nông nghiệp Quốc gia sẽ cung cấp tổng cộng 3,9 nghìn tỷ won vốn tài trợ, đồng thời tăng cường kiểm tra nhằm ngăn chặn việc bán lẻ trái phép và trộn lẫn gạo vụ mới với gạo vụ cũ. Các biện pháp bổ sung có thể được triển khai tùy thuộc vào số liệu sản lượng cuối cùng và lượng tồn kho chuyển sang niên vụ sau.

Tổng công ty Thương mại Nông thủy sản và Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC), đơn vị được Nhà nước hỗ trợ, đã thông báo tổ chức đợt đấu thầu nhập khẩu gạo lần thứ tám trong năm 2026, với nhu cầu mua khoảng 56.600 tấn gạo từ nhiều nguồn cung, bao gồm Hoa Kỳ và Thái Lan. Thời hạn nộp hồ sơ chào giá là 15 giờ ngày 28/10/2026 theo giờ Hàn Quốc (KST), sau đó phiên đấu thầu điện tử dự kiến diễn ra từ 10:00 đến 11:00 ngày 29/10. Lượng gạo này dự kiến được giao trong thời gian từ tháng 1 - 9/2027.

Mỹ Latinh

Uruguay, gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 598 USD/tấn, tăng khoảng 6 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 50 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 115 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 13/10, Uruguay đã gieo trồng 67% trong tổng diện tích lúa dự kiến 155.880 ha niên vụ 2026/27, tương đương khoảng 104.433 ha, tăng so với mức 57% cùng kỳ niên vụ trước. Tiến độ gieo trồng tại khu vực phía Đông đạt 84%, trong khi khu vực phía Bắc và miền Trung lần lượt đạt 42% và 26% do mưa lớn kéo dài. Tiến độ chung nhanh hơn khoảng 43 điểm phần trăm so với cùng kỳ niên vụ 2024/25. Việc gieo trồng sớm là tín hiệu tích cực, song thời tiết bất lợi và tiến độ không đồng đều có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất và sản lượng cuối vụ.

Argentina, gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 550 USD/tấn, không thay đổi so với một tuần trước, tăng khoảng 80 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 84 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Brazil, gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 612 USD/tấn, tăng khoảng 10 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 62 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 111 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Ngành lúa gạo Brazil đối mặt với rủi ro thời tiết trong niên vụ 2026/27 khi El Niño được dự báo đạt cường độ rất mạnh từ tháng 11/2026 đến tháng 1/2027. Mưa lớn tại miền Nam có thể làm chậm gieo trồng, giảm năng suất, trong khi thiếu mưa đe dọa sản xuất lúa nhờ nước trời ở miền Bắc và Đông Bắc; năng suất lịch sử tại hai khu vực này trong các năm El Niño thường giảm lần lượt 4% và 11% so với năm thời tiết trung tính. El Niño cũng có thể làm gián đoạn sản xuất nhiều nông sản, tăng chi phí đầu vào và gây áp lực lên giá thực phẩm; các nhà kinh tế dự báo có thể khiến lạm phát năm 2027 tăng thêm 0,5 điểm phần trăm.

Tính đến ngày 9/10, diện tích lúa đã gieo trồng đạt 23,6% tổng diện tích, cao hơn mức 18,9% cùng kỳ năm trước và bình quân 20,2% của 5 năm, dù mưa lớn gây gián đoạn tại nhiều khu vực. Tại Santa Catarina, gieo trồng gần hoàn tất ở một số vùng; tại Maranhão, gieo trồng lúa tưới tiêu gần hoàn thành và đã bắt đầu thu hoạch ở Grajaú. Trong khi đó, lúa tại Paraná sinh trưởng tốt, với tiến độ gieo trồng rải vụ vượt 70%.

Hoa Kỳ

Gạo 4% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 675 USD/tấn, tăng khoảng 2 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 88 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 73 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo báo cáo Triển vọng thị trường tháng 10/2026 của USDA, sản lượng gạo Hoa Kỳ niên vụ 2026/27 dự báo giảm xuống 157,7 triệu cwt, mức thấp nhất kể từ niên vụ 1993/94; tồn kho cuối kỳ giảm 32%, còn 40 triệu cwt. Trong khi đó, nhập khẩu dự kiến đạt kỷ lục 49,8 triệu cwt, xuất khẩu giảm 3% xuống 78 triệu cwt và giá bình quân tại trang trại tăng lên 15,20 USD/cwt. Ngành gạo Hoa Kỳ tiếp tục chịu áp lực từ chi phí sản xuất tăng, số lượng trang trại giảm và cạnh tranh nhập khẩu, thúc đẩy phát triển các giống gạo thơm nội địa như ARoma 22 nhằm giảm phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài.

Châu Âu

Tại vùng Vercelli của Ý, một cơ sở sản xuất lúa đã dành khoảng một phần ba diện tích 110 ha để phục hồi hệ sinh thái, gồm 25 ha đất ngập nước và hơn 10.000 cây, thực vật bản địa, nhằm bảo vệ đa dạng sinh học và tăng khả năng chống chịu trước hạn hán, nắng nóng. Cơ sở này duy trì các giống lúa truyền thống như Carnaroli Classico và Arborio Classico, đồng thời áp dụng các biện pháp canh tác bền vững như trồng cây họ đậu, sử dụng phân xanh và chăn thả cừu để cải thiện độ phì nhiêu của đất, giảm phụ thuộc vào phân bón hóa học. Dù việc phục hồi môi trường làm giảm diện tích trồng lúa, mô hình này cho thấy tiềm năng kết hợp bảo tồn thiên nhiên với thích ứng biến đổi khí hậu. Cơ sở dự kiến phát triển thêm hoạt động tham quan giáo dục, nghiên cứu và lưu trú để bù đắp thu nhập.

Châu Phi

Mozambique

Viện Ngũ cốc Mozambique (ICM) đã đình chỉ vô thời hạn quyền nhập khẩu gạo và lúa mì của ba doanh nghiệp Companhia Industrial da Matola (CIM), África Indústrias và Pembe Mozambique kể từ ngày 13/10/2026, do bị cáo buộc nhiều lần nhập khẩu mà không được cấp phép. Các cơ quan chức năng đã thu giữ 34.300 tấn ngũ cốc, bao gồm 25.000 tấn gạo và 9.300 tấn lúa mì. Số hàng này có thể bị tịch thu sung công nếu các doanh nghiệp không hoàn tất việc hợp thức hóa hoạt động trong thời hạn quy định. Các cuộc điều tra đang được tiến hành để xác định mức phạt áp dụng.

Động thái này diễn ra sau những thay đổi về quy định trao cho ICM quyền độc quyền quản lý hoạt động nhập khẩu gạo và lúa mì. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bị đình chỉ vẫn có thể tiếp tục mua nguyên liệu trong nước, qua đó duy trì hoạt động công nghiệp và góp phần bảo đảm nguồn cung cho thị trường.

Ai Cập

Cơ quan Mostaqbal Misr của Ai Cập dự kiến nối lại hoạt động xuất khẩu gạo sau một tháng đình chỉ do gián đoạn vận tải biển trong khu vực, đồng thời tăng phí xuất khẩu từ 100 USD lên 120 USD/tấn. Mặc dù các doanh nghiệp đã

đề nghị xuất khẩu khoảng 100.000 tấn trong giai đoạn từ giữa tháng 8 đến giữa tháng 9, chỉ có 25.000 tấn được giao hàng do những điểm nghẽn trong vận tải đường biển và cảng thẳng khu vực. Nhu cầu vẫn ổn định tại Morocco, Syria và các thị trường Ả Rập khác.

Ai Cập đặt mục tiêu xuất khẩu một phần trong lượng gạo dư thừa ước tính 900.000 tấn mỗi năm, đồng thời kéo dài thời gian xuất khẩu đến cuối năm 2027. Trong khi đó, giá gạo trắng trong nước đã tăng lên 19.000–24.500 bảng Ai Cập/tấn; giá lúa hạt thon tăng lên 13.700 bảng/tấn, trong khi giá lúa hạt to duy trì ổn định ở mức 15.000 bảng/tấn.

Việc nối lại xuất khẩu đánh dấu sự chuyển hướng so với các biện pháp hạn chế xuất khẩu được áp dụng từ năm 2016 nhằm bảo tồn tài nguyên nước. Tuy nhiên, phí xuất khẩu cao hơn và những khó khăn trong vận tải biển có thể ảnh hưởng đến khối lượng xuất khẩu cũng như sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Ghana

Theo Big Mint, sản lượng gạo xay xát của Ghana dự báo giảm 18%, xuống còn 800.000 tấn trong niên vụ 2026/27, so với 970.000 tấn trong niên vụ 2025/26. Nguyên nhân là giá lúa giảm, lượng tồn kho chưa tiêu thụ còn lớn và cạnh tranh từ gạo nhập khẩu khiến nông dân giảm động lực gieo trồng.

Diện tích thu hoạch dự kiến giảm 17%, xuống còn 300.000 ha, trong khi năng suất được dự báo tương đối ổn định ở mức 3,86 tấn/ha. Trong khi đó, tiêu thụ gạo dự báo tăng lên 1,9 triệu tấn, với lượng nhập khẩu dự kiến đạt 950.000 tấn, cho thấy Ghana tiếp tục phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài.

Việc cải thiện khả năng sinh lời của hoạt động sản xuất nông nghiệp và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường đối với gạo sản xuất trong nước sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảo ngược xu hướng suy giảm và tăng cường sản xuất nội địa.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 386 USD/tấn, lần lượt tăng khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, tăng 6 USD/tấn so với tháng trước và tăng 20 USD/tấn so với cùng kỳ.

Ngày 12/10, Công ty Xuất khẩu Hợp tác xã Quốc gia Ấn Độ (NCEL) phối hợp với Đại sứ quán Ấn Độ tại Bồ Đào Nha tìm kiếm cơ hội mở rộng xuất khẩu gạo thông qua kết nối với các nhà nhập khẩu và phân phối địa phương.

Theo dự báo của USDA, dự báo xuất khẩu gạo nước này năm 2027 có thể giảm 4%, xuống còn 24 triệu tấn; sản lượng gạo niên vụ 2026–2027 dự

kiến đạt 147 triệu tấn, giảm 4,5%. Lượng mưa thấp hơn trung bình, diện tích gieo trồng lúa giảm và rủi ro thời tiết. Tuy nhiên, lượng tồn kho lớn của Chính phủ có thể góp phần bù đắp mức giảm sản lượng.

Nguồn tin cho biết, lượng gạo được bố trí tàu chờ xuất khẩu tính đến ngày 8/10/2026 đạt khoảng 1,53 triệu tấn, tăng 10,7% so với tuần trước. Để giảm chi phí vận chuyển, các nhà xuất khẩu gạo cũng triển khai vận chuyển 102.210 tấn gạo basmati sang Iraq bằng ba tàu hàng rời.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 473 USD/tấn, tăng khoảng 14 USD/tấn so với tuần trước, giảm 5 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 137 USD/tấn so với cùng kỳ.

Gạo thơm xuất khẩu tiếp tục có lợi thế về uy tín và chất lượng ở phân khúc cao cấp, tuy nhiên chênh lệch giá với gạo thơm Campuchia có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trong thời gian tới. Thị trường cho biết lượng gạo thơm xuất khẩu giai đoạn tháng 1-8/2026 sang Trung Quốc ước đạt 16 ngàn tấn.

Nước này đang triển khai các biện pháp hỗ trợ xuất khẩu, tập trung vào hai thị trường Philippines và Malaysia, đồng thời đặt mục tiêu xuất khẩu 7 triệu tấn trong năm 2027. Tuy nhiên, chi phí cao vẫn là một trong yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh.

Theo số liệu sơ bộ từ Bộ Thương mại, lượng gạo xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2026 ước đạt 4,99 triệu tấn, giảm 19,26% so với cùng kỳ năm ngoái.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 410 USD/tấn, tăng khoảng 13 USD/tấn so với tuần trước, giảm 11 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 63 USD/tấn so với cùng kỳ.

Miến Điện

Theo số liệu sơ bộ từ Liên đoàn Gạo Miến Điện (MRF), lượng gạo xuất khẩu trong tháng 9/2026 đạt khoảng 122 ngàn tấn, giảm khoảng 28% so với tháng 8/2026. Lũy kế xuất khẩu gạo 9 tháng đầu năm 2026 ước đạt 1,592 triệu tấn, giảm khoảng 4% so với cùng kỳ năm 2025.

Campuchia

Theo Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Campuchia (MAFF), tính từ ngày 1/1 đến 19/10/2026, nước này đã xuất khẩu kỷ lục 1,014 triệu tấn gạo xay xát, vượt mức 940.000 tấn của cả năm 2025 và lần đầu tiên vượt mốc 1 triệu tấn, hoàn thành mục tiêu chiến lược quốc gia đề ra từ năm 2010. Kết quả này được hỗ trợ bởi nhu cầu khu vực, hệ thống logistics mở rộng và các hiệp

định thương mại như RCEP và Hiệp định Thương mại Tự do Campuchia – Trung Quốc. Trung Quốc tiếp tục là thị trường quan trọng đối với gạo thơm và gạo cao cấp của nước này, bên cạnh các nước ASEAN và Liên minh châu Âu (EU). Cơ cấu xuất khẩu chủ yếu gồm gạo thơm cao cấp và gạo trắng, góp phần nâng cao vị thế của Campuchia trên thị trường gạo quốc tế.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	13 – 10	14 - 10	15 - 10	16 – 10	19 – 10
Trung Quốc (CNY/USD)	6,69	6,69	6,70	6,69	6,69
Châu Âu (EUR/USD)	0,90	0,89	0,90	0,89	0,89
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.948,35	17.895,46	17.993,14	17.934,38	18.033,28
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,09	4,09	4,09	4,09	4,08
Philippines Peso (PHP/USD)	62,80	62,74	62,93	63,07	62,99
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.334,40	1.341,05	1.342,91	1.343,77	1.334,57
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	158,72	158,37	158,84	158,20	158,09
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,66	95,02	95,15	94,75	95,17
Miến Điện (MMK/USD)	2.100,15	2.100,03	2.099,44	2.099,80	2.099,51
Pakistan Rupees (PKR/USD)	276,98	276,85	277,02	276,71	276,83
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,63	33,58	33,70	33,54	33,46
Việt Nam Đồng (VND/USD)	25.937,04	25.931,35	25.900,96	25.858,79	25.883,63

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 19/10/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 cơ bản đã thu hoạch được khoảng 1,22 triệu ha với năng suất khoảng 60,34 tạ/ha, sản lượng ước đạt 7,36 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 520 ngàn ha/633 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 82%, thu hoạch được khoảng 112 ngàn ha, với năng suất ước 62,49 tạ/ha, sản lượng 700 ngàn tấn lúa.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/09 đến 30/09/2026 đạt **433.778 tấn**, trị giá **223,261 triệu USD**. Lũy kế xuất khẩu đến ngày 30/09/2026 đạt **6,363 triệu tấn** với trị giá **3,057 tỷ USD**. So với cùng kỳ năm 2025, giảm 6,72% về lượng, về trị giá giảm 12,26%.

* Thị trường xuất khẩu tháng 9/2026:

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Chiếm (%)
Philippines	84.244	41.993.978	19,42%
Ghana	82.479	49.476.307	19,01%
China	70.261	30.249.599	16,20%
Ivory Coast	60.700	25.165.164	13,99%
Singapore	25.353	12.030.263	5,84%
Malaysia	17.466	7.656.116	4,03%
United Arab Emirates	7.575	4.984.593	1,75%
Mozambique	7.203	4.411.629	1,66%
Saudi Arabia	5.851	3.929.325	1,35%
Hongkong	5.779	3.368.243	1,33%
Australia	4.082	2.821.079	0,94%
United States of America	2.953	2.381.625	0,68%
Campuchia	1.809	952.422	0,42%
Taiwan	965	461.981	0,22%
Russia	957	571.503	0,22%
Poland	923	678.942	0,21%
Indonesia	801	362.642	0,18%
South Africa	599	359.458	0,14%
Netherlands	465	404.481	0,11%
France	196	160.114	0,05%
Spain	175	115.538	0,04%
Turkey	102	71.738	0,02%
Angola	97	48.260	0,02%
Bangladesh	54	36.634	0,01%
Ukraine	49	38.690	0,01%
Belgium	27	26.456	0,01%
Iraq	25	27.715	0,01%
Senegal	25	12.958	0,01%
Chile	16	12.107	0,00%
Các nước khác	52.547	30.451.287	12,11%
TỔNG CỘNG	433.778	223.260.847	100,00%

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/10 – 19/10/2026 có 05 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 20.400 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Mike Thomas	HCM	22/09/2026	50.000	Châu phi
2	MD Sea	HCM	26/09/2026	11.000	Philippines
3	Minh Anh 08	HCM	06/10/2026	3.500	Malaysia
4	Vinh 02	HCM	10/10/2026	4.500	Malaysia
5	Quang Vinh 379	HCM	13/10/2026	4.150	Malaysia
6	Hoàng Hải Star	HCM	15/10/2026	3.250	Malaysia
7	Adira	HCM	20/10/2026	5.000	Philippines
Tổng				81.400	



IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	15/10	+/-	15/10	+/-	15/10	+/-	15/10	+/-	15/10	+/-	15/10	+/-	15/10	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.250	+100	6.150	+200	6.250	+350	6.400	+350	6.175	+225	6.400	+150	6.250	-	6.400	6.268
Lúa thường	5.950	-	5.900	+100	5.950	+150	5.975	+125	5.950	+150	5.975	+25	5.850	-	5.975	5.936
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.650	+100	7.500	+200	7.670	+415	7.650	+400	8.750	-			7.950	-	8.750	7.862
Lúa thường	7.450	+100	7.200	+50	7.100	+210	7.450	+300	8.200	-			7.050	-	8.200	7.408
<u>Gao Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	8.750	-	9.650	+400	9.650	+500	9.650	+600	9.250	+350			9.450	-	9.650	9.400
Lứt loại 2	8.650	-	8.850	+150	8.850	+100	8.850	+50	8.950	+250	8.950	-	8.950	-	8.950	8.864
Xát trắng loại 1			10.850	+400			10.350	+500	10.350	-175	10.850	+325	10.250	-	10.850	10.530
Xát trắng loại 2			10.450	+500			10.150	+475	9.950	-	10.450	+500	9.750	-	10.450	10.150
<u>Phu Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.850	+200	8.900	+200	9.050	+350	9.050	+375	8.525	-275	9.050	+250	8.750	-	9.050	8.882
Tấm 2/3			8.700	+100	9.050	+350			8.425	-75			8.350	-	9.050	8.631
Tấm 3/4	8.550	+200	8.600	+50	8.650	+100							8.350	-	8.650	8.538
Cám xát	7.850	+200	7.550	-	8.325	+725	8.250	+600	7.525	-150	8.350	+675	7.450	-	8.350	7.900
Cám lau	7.850	+200	7.450	-	8.325	+725	8.250	+600	7.525	-150	8.350	+675	7.550	-	8.350	7.900
<u>Gao TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	10.400	+1.400	11.050	+500	10.200	+300	10.500	+400	10.250	-200	11.050	+500	10.250	-	11.050	10.529
10%			10.950	+500					10.050	-650			10.150	-	10.950	10.383
15%	10.200	+1.400	10.850	+500	10.000	+300	10.300	+400	9.850	-650	10.850	350	9.950	-	10.850	10.286
20%									9.550	-650				-	9.550	9.550
25%	10.000	+1.400	10.050	+300	9.800	+300	10.100	+400	9.250	-650	10.100	+200	9.650	-	10.100	9.850
